TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGGD-ST
Ngày 05-11-2018
"Về việc ly hôn,
tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DÂNH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Học

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Quang Thạch
2. Bà:Trương Thị Xê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018 ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Đội 1, thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**,** có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Ngô Quảng B, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Đội 1, thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 27/7/2018, bản tự khai ngày 05/9/2018, các biên bản hòa giải ngày 05/9/2018, ngày 18/9/2018 và tại phiên tòa, chị Trần Thị Bích T trình bày: Chị và anh B yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã A, huyện, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/02/2015. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh B được một năm thì anh B đi làm ăn tại Đài Loan, trong thời gian sống xa nhau, mỗi lần liên lạc nói chuyện với nhau thường xãy ra cải cọ. Đến tháng 6/2018, anh B về nước nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện mà vẫn lạnh nhạt, sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, hay cải vã, bất đồng nhau trong việc xây dựng gia đình. Chị bảo anh B ở nhà tìm việc làm nhưng anh B không nghe và tuyên bố tiếp tục đi qua nước

ngoài làm việc, từ đó mâu thuẩn vợ chồng ngày càng lớn, do đó chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình sinh sống từ tháng 7/2018 và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh B.

Về quan hệ con chung: Chị và anh B có một con chung là Ngô Trần Nhật M, sinh ngày 13/10/2016, hiện đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2018, các biên bản hòa giải ngày 05/9/2018, ngày 18/9/2018, anh Ngô Quảng B trình bày: Qúa trình yêu nhau, kết hôn và chung sống anh nhất trí như sự trình bày của chị T. Riêng về mâu thuẩn vợ chồng, anh cho rằng ngoài nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, hay cải vã nhau thì trong quá trình anh đi làm ăn tại Đài Loan, do môi trường làm việc khắc nghiệt về giờ giấc, cô T gọi điện qua thì anh bận làm không thể nghe máy, khi anh rảnh gọi lại thì cô T cũng không nghe máy, ngoài ra cô T nghe lời người khác dẫn đến nghi ngờ tôi không chung thủy sinh ra tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ. Tháng 6/2018, anh về Việt Nam nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, anh muốn qua lại Đài Loan làm ăn nhưng cô T không chịu, từ đó mâu thuẩn vợ chồng càng căng thẳng. Cô T về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình sinh sống từ tháng 7/2018 và vợ chồng ly thân nhau từ đó, anh cũng đã gặp chị T và bố mẹ chị T để trao đổi, mong muốn cô T trở lại đoàn tụ nhưng cô T không chấp nhận. Sau khi cô T gửi đơn ly hôn đến nay, anh cũng có liên lạc với chị T nhưng không được. Anh cho rằng. mâu thuẩn vợ chồng là chuyện bình thường và xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T mà yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung như chị T trình bày, nếu vợ chồng không đoàn tụ được mà phải ly hôn thì anh cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ điều kiện, khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] về tố tụng: Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng cả 2 lần anh B không đến mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T và anh Ngô Quảng B yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/02/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, chị T và anh B đã có thời gian chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh Ngô Quảng B tại xã A, huyện L, tỉnh

Quảng Bình. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu qua các cuộc điện thoại giữa vợ chồng khi anh B đi làm ăn ở Đoài Loan. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm, việc làm xây dựng gia đình dẫn đến thường xuyên cải vã nhau, đỉnh điểm là chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình sinh sống từ tháng 07/2018 cho đến nay. Trong thời gian chị T ra ở nhà bố, mẹ đẻ, anh B đã ra gặp chị T và gia đình chị T để trao đổi, mong muốn chị T trở lại đoàn tụ vợ chồng nhưng không có kết quả, anh B liên lạc để trao đổi, bàn bạc với chị T nhưng không được. Tại Tòa án, qua các lần hòa giải, Thẩm phán đã phân tích những lợi ích việc vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái và những thiệt thòi của người phụ nữ sau ly hôn nhưng chị T vẫn không chấp nhận đoàn tụ gia đình. Như vậy mặc dù anh B rất mong muốn được chị T đoàn tụ nhưng việc chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và nuôi con, Tòa án đã triệu tập đến phiên tòa để giải quyết vụ án nhưng cả 2 lần anh B không đến chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh B là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh B đều thống nhất có một con chung Ngô Trần Nhật M, sinh ngày 13/10/2016, trước khi chị T chưa về nhà mẹ đẻ (7/2018) thì cháu M ở với vợ chồng anh chị, hiện tại cháu M đang sinh sống cùng chị T tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau ly hôn chị T và anh B đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh B, chị T là thỏa đáng, tuy nhiên hiện cháu M đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) đang được chị T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng, vì vậy cần tiếp tục giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đồng thời buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị T là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị T, anh B không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo luật định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS và khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị Bích T được ly hôn anh Ngô Quảng B.

2. Về quan hệ con chung: Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Giao cho chị Trần Thị Bích T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Ngô Trần Nhật M, sinh ngày 13/10/2016, anh Ngô Quảng B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con Ngô Trần Nhật M đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh B không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí:- Án phí ly hôn: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường Vụ Quốc Hội, xử: Chị Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số AA/2017/0001816 ngày 30/7/2018.(Chị T đã nộp đủ án phí).

- Án phí cấp dưỡng: Anh Ngô Quảng B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/11/2018), anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã nơi anh B cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã nơi đs cư trú;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Học